



Phụ lục 17
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT
ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương)
CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)		
DIETHYLENE GLYCOL			
Số CAS: 111- 46- 6 Số UN: không có thông tin Số đăng ký EC: không có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Diethylene glycol	Mã sản phẩm nếu có : DEG		
- Tên thương mại:			
- Tên khác (không là tên khoa học): Diglycol, Ethylene Diglycol.			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn 30/17 Đường HT 31, KP 1, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM ĐT: 08.6683.3399 Fax: 08.6250.7935		
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
- Mục đích sử dụng: được sử dụng như một chất khử nước cho khí tự nhiên, một nguyên liệu để sản xuất chất hóa dẻo và nhựa polyester, chất giữ ẩm, một chất bôi trơn dệt may và chất gắn kết, dung môi trong dệt nhuộm và in ấn và nhiều ứng dụng trong công nghiệp khác,...			
PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Diethylene glycol	111- 46- 6	C4H10O3	100%
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
<p>1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...) : Cảnh báo! Có hại nếu nuốt phải, có thể gây kích ứng khi lên hệ với da và mắt.</p> <p>2. Cảnh báo nguy hiểm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - không có thông tin <p>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường mắt : có thể gây kích ứng mắt và các mô xung quanh. - Đường thở : Có thể gây kích ứng đường hô hấp. có thể có hại nếu hít vào. Hít dạng nóng hoặc mờ đi có thể gây phù phổi - Đường da : có thể gây kích ứng da nhẹ. Có thể được hấp thụ qua da. - Đường tiêu hóa : Thấp ngộ độc cấp tính, liều nặng chết người có thể xảy ra. - Tiếp xúc mãn tính: Tồn thương gan và thận - Đường tiết sữa. 			

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt) : Ngay lập tức rửa mắt nhẹ nhàng trên vòi nước trong thời gian ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng nhắm mí mắt trên và dưới. Nếu bị kích ứng kéo dài, đến ngay chăm sóc y tế.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Ngay lập tức rửa da với nhiều nước trong thời gian ít nhất 15 phút khi thay quần áo và giày nhiễm bẩn. Nếu kích ứng kéo dài xảy ra đến ngay chăm sóc y tế.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Di chuyển nạn nhân đến nơi có không khí trong lành. Nếu không thể thở hô hấp nhân tạo. Nếu việc thở gặp khó khăn cho nạn nhân thở oxy và đưa đến trung tâm y tế ngay lập tức.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất) Không ép nôn ra, Trừ khi chỉ để làm vậy từ một nhân viên y tế. Không có bất cứ điều gì vào miệng khi nạn nhân bất tỉnh. Đưa đến trung tâm y tế ngay lập tức.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có):** Điều trị theo triệu chứng.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...) : Chất lỏng dễ cháy.
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** không có thông tin
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Trên điều kiện điểm chớp nháy, hỗn hợp hơi và khí là thuốc nổ trong giới hạn cháy dưới: 2.1; giới hạn trên dễ cháy: 12.3.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Hóa chất khô, bột chống cồn hoặc carbon dioxide. Phun nước có thể được sử dụng để giữ container và lửa không tiếp xúc hoặc bảo vệ nhân viên cố gắng để ngăn chặn rò rỉ và phân tán hơi.
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Ở hướng gió. Sử dụng thiết bị thở khép kín và quần áo bảo hộ thích hợp.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): Tất cả các khu vực bảo quản phải được cung cấp đầy đủ phương tiện chữa cháy, thiết bị. Các chất lỏng tạo ra một hơi nước tạo thành hỗn hợp nổ với không khí đặc biệt là trong điều kiện nhiệt độ chớp nháy trên. Trong trường hợp có ngọn lửa nguy hiểm liên lạc với trạm cứu hỏa gần nhất. Đối với nhân viên cứu hỏa phải chuẩn bị đầy đủ tranh thiết bị bảo hộ phù hợp.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Cảnh báo cá nhân:** Tránh tiếp xúc với da và mắt, thông gió khu vực bị rò rỉ hoặc tràn đổ hoàn toàn. Dùng hít phải hơi ở hướng gió và tránh xa các khu vực thấp. Hủy bỏ tất cả các nguồn nhiệt hoặc lửa. Sơ tán khu vực của tất cả các nhân viên không cần thiết. Tắt rò rỉ, nếu có thể và không có có rủi ro cá nhân.
- 2. Bảo vệ cá nhân:** Mang thiết bị và quần áo giày dép thích hợp để bảo vệ cá nhân.
- 3. Phòng ngừa phụ thuộc vào môi trường:** Hốt và phục hồi chất lỏng khi có thể với một thùng chứa thích hợp hay hút bằng vật liệu trơ (ví dụ: cát khô, đất,...) và diễn ra trong một chất thải hóa học thùng hàng. Không sử dụng vật liệu dễ cháy như cưa bụi bặm. Sử dụng dụng cụ và thiết bị không phát tia lửa. Ngăn ngừa từ lan rộng hay đi vào cống rãnh, song hoặc bất kỳ đường thủy bằng cách sử dụng cát, đất. Ngăn chặn ô nhiễm đất và nước.
- 4. Phương pháp đổ nhỏ:** Hủy bỏ tất cả các nguồn lửa và thông gió khu vực, sơ tán tất cả nhân viên không cần thiết. Dùng rò rỉ nếu không nguy hiểm, pha loãng với nước và vết sạch. hoặc hút bằng một vật liệu khô trơ và được trong một container bịt kín. Nhãn và đóng dấu chất thải thùng chứa để thu hồi hay xử lý thích hợp.
- 5. Phương pháp bị đổ lớn:** Đối với sự tràn đổ chất lỏng lớn, loại bỏ tất cả nguồn lửa. Sơ tán tất cả nhân viên không cần thiết. Dùng lại rò rỉ nếu có thể và không có nguy cơ. Không rửa chất cặn với nước. Chặn tràn với xốp chống cồn để hạn chế bốc hơi hoặc khu vực để chứa tràn và hấp thụ với đất, cát hoặc vật liệu không dễ cháy khác. Chuyển đến dán nhãn thùng niêm phong để phục hồi sản phẩm hoặc xử lý thích hợp. Mặc quần áo bảo hộ thích hợp để giảm thiểu tiếp xúc với da. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngấm với một chất hấp thụ thích hợp và xử lý một cách an toàn thích hợp.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): Bảo vệ tự chống lại thiệt hại vật chất, tránh tiếp xúc với da mắt và quần áo. Đừng hít phải hơi. Chỉ sử dụng tốt trong khu vực thông thoáng.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...): Phải được lưu trữ trong một khu vực thông gió tốt và tránh xa đánh lửa và nguồn nhiệt. Tránh xa các bình xịt, tác nhân oxi hóa và các chất ăn mòn. Hơi này nặng hơn không khí. Cảnh giác nhưg tích tụ trong hầm lò và không hạn chế. Sự ngưng thở nên được kiểm soát bởi một hệ thống xử lý hơi thích hợp. Cửa hàng trong một tách riêng và điện tích được phê duyệt. Giữ trong container mát, thông gió khu vực. Giữ bình chứa đóng kín và niêm phong cho đến khi sẵn sàng để sử dụng.



III. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): Một hệ thống thông hơi tại chỗ và được đề nghị nhằm giảm tác động của nhân viên. Máy thông khí được ưa thích bởi vì nó có thể kiểm soát khí thải của các chất gây ô nhiễm tại nguồn, ngăn ngừa sự phân tán của nó vào công việc chung của khu vực.
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
- Bảo vệ mắt : sử dụng kính an toàn hóa chất và tấm che mặt. Duy trì mắt rửa dài phun nước và xóa nhanh Drench cơ sở trong khu vực làm việc.
 - Bảo vệ thân thể : Mặc quần áo bảo hộ không thấm nước như một mảnh tổng thể, bao gồm cả giày an toàn, ủng và găng tay, áo phòng thí nghiệm và bất kỳ quần áo bông tạo thích hợp để tránh tiếp xúc với da..
 - Bảo vệ tay : Găng tay PVC, găng tay chịu hóa chất, găng tay nitrile
 - Bảo vệ chân: mang giày hoặc ủng bảo hộ
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**
- 4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...) : Luôn quan sát các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt, chẳng hạn như: rửa sau khi xử lý các tài liệu và trước khi ăn, uống rượu hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo làm việc và thiết bị bảo hộ để loại bỏ chất gây ô nhiễm. Bỏ quần áo nhiễm bẩn và giày dép mà không thể làm sạch được. Luôn duy trì và thực hành vệ sinh tốt.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất lỏng	Điểm sôi (°C): 242°C
Màu sắc: trong suốt: không màu	Điểm nóng chảy (°C): không có thông tin
Mùi đặc trưng: mùi ngọt	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 1.3kPa @ 20°C	Nhiệt độ tự cháy (°C): 227°C
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 0.001	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 12.3%
Độ hòa tan trong nước: hòa tan hoàn toàn trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): 2.1%
Độ pH: không có thông tin	Tỷ lệ hóa hơi: không có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m³): không có thông tin	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- 1. Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...) : Ổn định ở nhiệt độ bình thường và áp lực cho việc sử dụng và lưu trữ.
- 2. Khả năng phản ứng:**
- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy : Nhiệt, nguồn lửa, nguồn đánh lửa và không gian hạn chế, chậm rãi phân hủy bởi độ ẩm.
 - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh) : Phản ứng với các tác nhân oxi hóa mạnh, amin, acid nitric và kiềm. Sẽ tấn công một số hình thức của nhựa, cao su và các lớp phủ.
 - Các chất (có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): Chất oxy hóa mạnh
 - Phản ứng trùng hợp : khí độc và hơi có thể phát hành nếu có liên quan trong một ngọn lửa. Cacbon dioxide và cacbon monoxide có thể hình thành khi nước nóng để phân hủy.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1 Diethylene Glycol	LD 50: 12.565mg/kg LD 50: 9970ppm/4giờ LD 50: 12,510mg/kg	Kích ứng mắt Kích ứng da Độc tính liều lặp đi lặp lại	Đường miệng	Chuột Chuột Da thỏ
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): không có thông tin				
2. Các ảnh hưởng độc khác: không có thông tin				

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
L50 > 100mg/l	Cá Động vật không xương sống sống trong nước Tảo	Chưa có thông tin	Không độc tính cho các sinh vật dưới nước
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học : Suy thoái dài ngày có thể phát sinh thành chất độc
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học : không có
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không độc tính cho các đời sống sinh vật dưới nước dưới nước.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- 1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp) :** Dùng DEG không thể được lưu để phục hồi hoặc điều trị, nó nên được quản lý phù hợp và được chấp thuận xử lý cơ sở. Chăm sóc nên trong trường hợp nào được thực hiện để đảm bảo xử lý là phù hợp với luật pháp và quy định yêu cầu hoặc pháp luật về môi trường tại địa phương.
- 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải :**
- 3. Biện pháp tiêu hủy :** không có thông tin
- 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** Sản phẩm này là không thích hợp để xử lý bằng một trong hai bãi rác hoặc thông qua hệ thống cống rãnh địa phương, cống rãnh, suối tự nhiên hoặc con sông. Các lời khuyên sau đây chỉ áp dụng cho các sản phẩm như được cung cấp. Chế biến, sử dụng hoặc ô nhiễm của sản phẩm này có thể thay đổi các tùy chọn quản lý chất thải.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;	Không quy định	Diethylene Glycol	Không thuộc loại vật liệu nguy hiểm	Không áp dụng		

- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA ...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký
3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 27-06-2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 30-05-2016

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN

Giám đốc



Lê Hồng Mi Sa